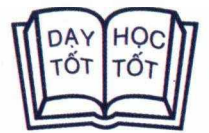
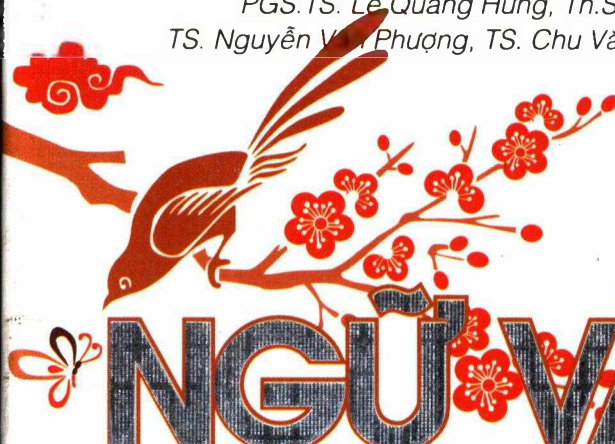


PGS.TS. Lê Huy Bắc (biên soạn), TS. Phan Huy Dũng  
 PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp, TS. Đào Thị Thu Hằng  
 PGS.TS. Lê Quang Hưng, Th.S. Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
 TS. Nguyễn Văn Phương, TS. Chu Văn Sơn, GS.TS. Trần Đăng Suyền



Đã phát hành:



✓ Biên soạn theo  
 sát chương trình  
 và hướng ra đề  
 thi mới của Bộ  
 GD&ĐT

# NGŨ VĂN

*Ôn thi tốt nghiệp  
 & tuyển sinh Quốc gia*

✓ Dành cho HS lớp 12 chương trình chuẩn và nâng cao



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**



PGS.TS. Lê Huy Bắc (biên soạn), TS. Phan Huy Dũng  
PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp, TS. Đào Thị Thu Hằng  
PGS.TS. Lê Quang Hưng, Th.S. Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
TS. Nguyễn Văn Phương, TS. Chu Văn Sơn, GS.TS. Trần Đăng Suyền

# NGŨ VĂN

## *Ôn thi tốt nghiệp & tuyển sinh Quốc gia*

(TÁI BẢN LẦN THỨ 3, CÓ CHỈNH LÍ, BỔ SUNG)

- ✓ Biên soạn theo sát chương trình và sách giáo khoa phân ban mới của Bộ GD&ĐT.
- ✓ Dành cho HS lớp 12 chương trình chuẩn và nâng cao.



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội  
ĐT (04) 39714896; (04) 39714897. Fax: (04) 39714899

\*\*\*

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

*Giám đốc - Tổng biên tập*  
**TS. PHẠM THỊ TRÂM**

*Biên tập nội dung*  
**NHƯ Ý**

*Sửa bài*  
**LÊ HOÀ**

*Chế bản*

**CÔNG TI AN PHA VN**

*Trình bày bìa*  
**SƠN KỲ**

*Đối tác liên kết xuất bản*  
**CÔNG TI AN PHA VN**

**SÁCH LIÊN KẾT**

**NGŨ VĂN ÔN THI TỐT NGHIỆP VÀ TUYỂN SINH QUỐC GIA**

Mã số: 2L-480ĐH2013

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ti TNHH In Bao bì Hưng Phú

Số xuất bản: 1352-2013/CXB/07-210/DHQGHN

Quyết định xuất bản số: 454LK-XH/QĐ - NXBĐHQGHN

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.

---

# LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm đáp ứng cách ra đề mở như chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện nay, chúng tôi biên soạn "**Ngữ văn ôn thi tốt nghiệp THPT & tuyển sinh DH - CD**". Sách được biên soạn theo chương trình tích hợp của sách giáo khoa hiện hành, bao gồm các tác phẩm văn thơ được giảng dạy trong chương trình, đặc biệt là những tác phẩm thường xuyên được lấy làm đề bài cho các kì thi tuyển đại học, cao đẳng và tốt nghiệp phổ thông trung học, tập trung chủ yếu trong hai lớp cuối cấp là lớp 11 và lớp 12. Mặt khác, cuốn sách này ra đời còn nhằm giúp học sinh, giáo viên, những người yêu thích văn học tham khảo, nâng cao trình độ chuyên môn.

Để bao quát các lĩnh vực kiểm tra, thi các cấp môn Ngữ văn (bao gồm văn học Việt Nam và văn học nước ngoài), tập làm văn và tiếng Việt, những người biên soạn tập trung vào hai mảng chính: văn học Việt Nam, văn học nước ngoài. Kiến thức và kĩ năng làm văn và tiếng Việt được kiểm tra, đánh giá qua các bài luận cụ thể. Do vậy, chúng tôi không tách hai phần này ra thành những mảng riêng biệt.

Để hoàn thành cuốn sách, chúng tôi chủ trương kế thừa các thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu phê bình văn học, cũng như áp dụng các thành tựu nghiên cứu thơ văn hiện đại vào phân tích, bình giảng các tác phẩm theo những đặc trưng thể loại, nhằm chỉ ra được những nét cá biệt, độc đáo của tác phẩm và khái quát được phong cách đặc trưng của từng tác giả.

Khác với các sách ôn thi có mặt trên thị trường, cuốn sách này không đi vào từng dạng đề bài cụ thể, không hướng dẫn phân tích để lập dàn ý,... mà tập trung vào các vấn đề nội dung, hình thức nổi trội, tiêu biểu của tác phẩm và diễn đạt thành bài viết hoàn chỉnh. Do vậy, khi sử dụng sách này, học sinh không chỉ học được các luận điểm của tác phẩm mà còn biết cách triển khai, cách viết một bài văn nghị luận văn học có sức thuyết phục cao.

Do chương trình ôn thi tú tài, cao đẳng, đại học chủ yếu tập trung vào các văn bản trong sách **Ngữ văn 11**, **Ngữ văn 12** và tập trung vào mảng văn học hiện đại từ 1932 đến hết thế kỉ XX, nên sách được cấu trúc theo đơn vị bài, tuân thủ theo trật tự của hai bộ sách giáo khoa của hai khối lớp trên. Để tiện theo dõi, chúng tôi sắp xếp các tác phẩm theo hai phần: phần thơ và văn xuôi.

Mỗi đơn vị bài, sau phần **Kiến thức bổ trợ** (thường được hỏi trong các đề thi) là phần **Tiếp cận tác phẩm** chúng tôi tuyển chọn một hoặc một nhóm bài trình bày **những giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc nhất của văn bản theo một (hoặc nhiều) cách tiếp cận khác nhau**. Qua đó hướng dẫn học sinh cách tiếp cận và nắm được cách chọn phân tích những tín hiệu nghệ thuật thẩm mĩ đặc sắc của văn bản, giải quyết tốt những nội dung được đặt ra trong các đề thi.

Biên soạn cuốn sách này, chúng tôi không có tham vọng gì hơn ngoài việc đề xuất một khả năng tổng hợp các kiến thức cơ bản của học sinh để khai thác văn bản một cách sáng tạo và hữu hiệu. Hi vọng với nỗ lực này, cuốn sách sẽ hữu ích đối với học sinh, sinh viên, giáo viên - những người sử dụng sách.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng chắc chắn "**Ngữ văn ôn thi tốt nghiệp THPT & tuyển sinh ĐH - CD**" khó tránh khỏi những sai sót nhất định. Mong các anh (chị) học sinh, sinh viên cùng các thầy, cô giáo trong quá trình sử dụng góp ý để sách hoàn thiện hơn khi có điều kiện tái bản.

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2008

PGS. TS. LÊ HUY BẮC

## TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

HỒ CHÍ MINH

### A. KIẾN THỨC BỔ TRỢ

#### I- Khái niệm văn chính luận

Văn chính luận là thể văn mà người viết dùng lí lẽ (giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bình luận,...) dùng lập luận và dẫn chứng để bàn luận một vấn đề nào đó của xã hội nhằm làm sáng tỏ điều mình muốn nói. Văn chính luận cũng sử dụng đầy đủ mọi sắc thái cảm hứng như trữ tình, mỉa mai, ca ngợi, đả kích,... Văn chính luận hấp dẫn người đọc bằng lối tư duy logic, trí tuệ; lối văn thiên về hùng biện, có lúc đanh dạn, có lúc thiết tha để lay động lòng người.

Văn chính luận bao giờ cũng uoi hỏi người viết đưa ra ý kiến chủ quan của riêng mình. Vì vậy, khi viết, tác giả bao giờ cũng phải vận dụng phạm vi tri thức sách vở, lẫn tri thức cuộc sống tự nhiên, xã hội rất lớn, thường xưng *tôi* (hoặc *chúng tôi*, *chúng ta*) để đối thoại, trao đổi nhằm đưa ra kết luận thoả đáng, có sức thuyết phục người đọc.

#### II- Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh

Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh độc đáo mà đa dạng. Nhìn chung, ở mỗi thể loại văn học, Hồ Chí Minh đều tạo được những nét phong cách riêng, độc đáo, hấp dẫn và có giá trị bền vững.

*Văn chính luận*: bộc lộ tư duy sắc sảo, giàu tri thức văn hoá; lí luận gắn với thực tiễn; giàu tính luận chiến; vận dụng có hiệu quả nhiều phương thức biểu hiện.

*Truyện kí*: chủ động và sáng tạo trong bút pháp; bộc lộ rõ chất trí tuệ và tính hiện đại.

*Thơ ca*: có phong cách đa dạng. Khi là những bài cổ thi hàm súc, uyên thâm, sử dụng nhiều điển tích điển cố, đạt chuẩn mực cao về nghệ thuật. Khi là những bài thơ hiện đại, khai thác những vấn đề thiết thực cụ thể đối với đời sống con người, vận dụng linh hoạt nhiều thể thơ, phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho nhiệm vụ cách mạng.

Nhìn một cách bao quát có thể thấy: dù viết về đề tài gì, thể loại và ngôn ngữ nào, tác phẩm của Hồ Chí Minh bao giờ cũng ngắn gọn, giản dị, trong sáng, mọi ý tưởng và hình tượng đều thể hiện chất thép, tinh thần lạc quan cách mạng cao cổ, tấm lòng nhân đạo lớn lao, đều vận động hướng lối cách mạng, ánh sáng, niềm vui và sự sống.

## B. TIẾP CẬN TÁC PHẨM

### I- *Tuyên ngôn Độc lập* - áng hùng văn

Sở dĩ *Tuyên ngôn Độc lập* được xem là áng văn chính luận mẫu mực vào hàng “thiên cổ hùng văn” vì bản tuyên ngôn này ra đời vào thời điểm trọng đại, chấm dứt ách thống trị gần 100 năm của thực dân Pháp và thay thế vĩnh viễn nền quân chủ bằng nền dân chủ. Xét về mọi khía cạnh, *Tuyên ngôn Độc lập* xứng đáng là bản tuyên ngôn có giá trị muôn đời của dân tộc Việt Nam.

#### 1. Cảm hứng sử thi mãnh liệt

Với tư cách là một áng văn nghị luận xã hội, *Tuyên ngôn Độc lập* vẫn tuân thủ lối hành văn: sử dụng lí lẽ lập luận và dẫn chứng. Lí lẽ mang lại sự kết dính các luận điểm, dẫn chứng tạo độ tin cậy cho lí lẽ. Tuy nhiên không phải nắm được điều này thì tác phẩm nghị luận có thể dễ dàng được thực hiện.

Yếu tố quan trọng hàng đầu của văn nghị luận là cảm hứng nghị luận. Cảm hứng này được tạo dựng từ chính cảm xúc cá nhân trước vấn đề mình nghị luận. Mặt khác, cảm hứng ấy còn được gây dựng trên cảm hứng chung của cộng đồng. Nếu thiếu một trong hai, áng văn nghị luận đó khó có thể thành công được.

*Tuyên ngôn Độc lập* ra đời vào đúng thời khắc lịch sử trọng đại. Hùng khí của dân tộc gặp hùng tâm của người chấp bút, của cảm xúc vô biên trong tâm hồn vị lãnh tụ vĩ đại, nên âm hưởng, dư âm của tuyên ngôn sẽ luôn giữ được vẻ hào sảng của một khởi khắc, một giai đoạn hào hùng gần như một đi không trở lại của dân tộc.

#### 2. Dẫn chứng xác thực

Một nền tảng tri thức rộng cũng là nhân tố quyết định đến sự thành công của tác phẩm nghị luận. Bôn ba khắp bốn bề chân trời, Hồ Chí Minh đã tích lũy được kho kiến thức vô cùng phong phú. Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp – kẻ từng nhân danh “bảo hộ” thực chất là xâm lược, đặt ách đô hộ trên đất nước ta – và Mĩ – nước đang có vai trò quan trọng trong lực lượng đồng minh chống phát xít, Hồ Chí Minh không chỉ dùng gạt ông đập lưng ông mà còn nâng tầm cách mạng giải phóng dân tộc ta lên ngang tầm những cuộc cách mạng được xem là tiêu biểu cho mọi thời; nâng tầm vóc hành động của dân tộc ta lên tầm vóc của những sự thay đổi tích cực của nhân loại trên bước đường phát triển.

Nhưng Hồ Chí Minh không chỉ viện dẫn từ sạch vở, Người còn đưa ra rất nhiều bằng chứng xác thực lấy từ chính cuộc sống cơ hàn nhưng vô cùng bất khuất của dân tộc ta.

Nhân danh “bảo hộ” nhưng thực chất thực dân Pháp đã hai lần bán nước ta cho Nhật.

Nhân danh “khai hoá” nhưng thực chất Pháp làm thui chột cả trí lực lẫn sức lực của người Việt để dễ bề cai trị.

Nhân danh đồng minh nhưng thực chất Pháp đã phản bội lại đồng minh vì đã đầu hàng phát xít Nhật.

Nhân danh quyền con người nhưng Pháp lại đi giết tù chính trị của ta ở Yên Bái và Cao Bằng trước khi tháo chạy trước phát xít Nhật.

Trên đây là những *lập luận thuận chiều* với nhiều chứng cứ không thể nào chối cãi. Chưa đủ, Hồ Chí Minh còn sử dụng lối *lập luận ngược chiều* để vạch mặt sự nham hiểm, độc ác không thể nào dung thứ đối với thực dân Pháp.

Ấy là, mặc dù thực dân Pháp đối xử với chúng ta tàn bạo, vô nhân đạo đến mức dã man, nhưng trái tim người Việt luôn nhân hậu, sẵn sàng mở lượng hiếu sinh cứu giúp người Pháp khi bị phát xít Nhật truy giết. Đưa ra bằng chứng này không chỉ nhằm để khẳng định người Việt Nam có truyền thống nhân đạo, mà cốt để xâu chuỗi mạch lập luận rằng một dân tộc chịu nhiều đau thương, một dân tộc ngoan cường, một dân tộc yêu chuộng tự do và giàu lòng nhân ái thì tất yếu phải được sống cuộc sống tự chủ, độc lập như bao dân tộc khác.

Lập luận của *Tuyên ngôn Độc lập* vô cùng độc đáo ở chỗ một mũi tên bắn trúng hai đích, nên ẩn ý của từ ngữ vô cùng sâu rộng. Điều đó chứng tỏ sức mạnh ngôn từ của dân tộc, tài năng của người cầm bút.

### 3. Đối tượng phong phú

Bất kì một văn bản văn chương nào khi được viết ra cũng đều có sự tính toán khả năng tác động đến công chúng. Đặc biệt, với văn nghị luận, người viết bao giờ cũng hướng mục đích thuyết phục người nghe chủ yếu bằng ngôn từ của trí tuệ, lí trí và của lập luận thì điều đó càng thêm phần quan trọng.

Về tổng thể, *Tuyên ngôn Độc lập* hướng tới hai đối tượng: đồng bào trong nước và dân chúng thế giới. Ở trong nước cũng như trên thế giới đều tồn tại hai đối tượng đối lập: ủng hộ và không ủng hộ. Vì thế, nhiệm vụ của *Tuyên ngôn Độc lập* là khẳng định lòng tin cho những người ủng hộ và thuyết phục những người không ủng hộ. Vì thế, việc trích dẫn tuyên ngôn của nước Pháp và Mĩ, kết hợp với dẫn chứng từ thực tế trong nước; việc đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc song song với việc giải phóng nhân loại khỏi họa phát xít là cách vừa kêu gọi sự đồng lòng của quốc tế vừa tôn vinh dân tộc, khẳng định tư thế chính nghĩa, tiến bộ của dân tộc ta trên trường quốc tế.

Cũng thế, việc đặt song song nhiệm vụ giải phóng dân tộc với nhiệm vụ thiết lập nền dân chủ sẽ đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân.

Như thế, đối ngoại và đối nội, đôi đường đều đúng đắn, đúng mục, quả là sự tính toán diệu kì.

Từ luận điểm cốt lõi, mỗi dân tộc đều có quyền được hưởng độc lập, tự do, Hồ Chí Minh hướng đến kết luận: luận điểm này không bắt nguồn từ ý muốn của bất kì dân tộc nào mà từ chính *tạo hoá*, từ chính bản năng sống tốt đẹp của muôn người trên thế gian. Lập luận của tuyên ngôn không dừng lại ở chỗ chân lí do con người làm ra mà sâu xa hơn là ở chỗ chân lí do *tạo hoá* làm ra. Người viết quả là thiên tài. Tự nhiên sinh ra con người và chính tự nhiên mới là thế lực cuối cùng có quyền phán xét con người, còn con người với con người thì không có quyền phán xét và bắt buộc những người này, cộng đồng này sống theo ý muốn của một nhóm, cộng đồng nào đó.



#### 4. Dự báo thiên tài

Ngay tại thời điểm Hồ Chí Minh trích tuyên ngôn của nước Mĩ, thì chắc hẳn Mĩ chưa có biểu hiện gì muốn xâm chiếm nước ta. Do vậy, mục đích của việc trích dẫn này chỉ với ý đồ muốn dựa vào một thế lực trung gian, một thế lực điển hình cho tư tưởng tiến bộ của thời đại, Mĩ lúc đó đang đứng trong lực lượng đồng minh phương Tây chống phát xít.

Thế nhưng, giá trị của *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ dừng lại ở đó mà còn thể hiện được tính dự báo độc đáo của nó. Cụ thể là sau năm 1954, Mĩ lộ rõ ý đồ muốn thay thế vị trí của Pháp ở Việt Nam và càng ngày càng can thiệp sâu vào đời sống chính trị của người Việt và cuối cùng là đưa quân sang xâm lược. Một lần nữa, dân tộc Việt Nam lại đứng lên bảo vệ chủ quyền, bảo vệ nền độc lập, tự do cho Tổ quốc. Kết quả, như lời tiên tri của bản *Tuyên ngôn Độc lập* được viết ra trước đó gần ba mươi năm, năm 1973, đế quốc Mĩ thua trận, buộc phải rút quân ra khỏi cương thổ Việt Nam.

Đương nhiên, tính dự báo này không chỉ dành riêng cho đế quốc Mĩ mà còn cho mọi thế lực hung tàn trên thế giới, những kẻ có âm mưu muốn biến nước ta thành thuộc địa hoặc dã tâm muốn cướp nước ta thì chắc chắn chúng sẽ chịu cùng số phận. Dân tộc ta sẽ luôn giữ vững được nền độc lập cho muôn đời sau.

#### 5. Liên kết văn hoá sâu rộng

Không có một quá khứ hào hùng của dân tộc, không có những thành tựu văn hoá kể từ bài thơ *Thần tượng truyền* là của Lí Thường Kiệt hay *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi thì ắt hẳn *Tuyên ngôn Độc lập* sẽ chưa có được sức mạnh, sức gắn kết văn hoá độc đáo đến như vậy.

Từ việc chỉ giới hạn trong khuôn khổ một nước Việt Nam với cương thổ địa lí riêng luôn được khẳng định trong hai áng văn được xem là tuyên ngôn độc lập của dân tộc trước đó, Hồ Chí Minh đã mở rộng địa hạt quyền lực của dân tộc ra thế giới. Tiếng nói của *Tuyên ngôn Độc lập* là tiếng nói toàn cầu, tiếng nói không chỉ riêng cho dân tộc Việt Nam mà còn là tiếng nói tiêu biểu, tiếng nói chung cho mọi dân tộc bị áp bức.

#### 6. Lập luận chặt chẽ

So sánh theo lối tương phản, đồng dạng hoặc ám dụ là thủ pháp nghệ thuật được sử dụng chủ yếu trong *Tuyên ngôn Độc lập*. So sánh tuyên ngôn của Mĩ, của Pháp với *Tuyên ngôn Độc lập* của ta là cách tạo hiệu quả đồng dạng. Không chỉ dân tộc ta có quyền độc lập tự do như các dân tộc đó mà *Tuyên ngôn Độc lập* của ta cũng có giá trị hệ như *tuyên ngôn* của họ.

So sánh tương phản chủ yếu được dành cho thực dân Pháp. Người Pháp được hưởng những quyền lợi cụ thể từ tuyên ngôn dân quyền của họ, thế mà cũng với “những quyền ấy” họ lại bắt người Việt Nam phải chịu cảnh nô lệ, tù đày, chết chóc. Cho nên “hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”.

So sánh ám dụ cũng là một thể mạnh nữa của cách lập luận trong *Tuyên ngôn Độc lập*. Nhờ những ám dụ ngầm này (như giá trị nền độc lập của ta tương đồng với giá trị độc lập của Pháp, Mĩ,...) nên văn bản đã tạo được chất trí tuệ, hấp dẫn người đọc ở tầng sâu kiến thức của câu chữ, khiến mọi thế hệ, mọi trình độ đều phải khâm phục tầm văn hoá uyên bác của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Biện pháp liệt kê tăng cấp được sử dụng rất hữu hiệu. Để phản bác luận điệu bảo hộ của Pháp, Hồ Chí Minh liệt kê ra đầy đủ các mặt cốt yếu mà Pháp nhân danh bảo hộ để biến người dân Việt thành nô lệ. Đó là: chính trị (chính sách chia để trị nhằm chống sự thống nhất, đoàn kết), giáo dục (nhà tù nhiều hơn trường học nhằm làm suy nhược tinh thần), y tế (thuốc phiện, rượu cần làm suy nhược thể trạng dân tộc), kinh tế (cướp tài nguyên, không cho giai cấp tư sản bản địa trỗi dậy)... Tất cả đều nhằm làm suy thoái toàn diện đời sống người Việt. Cách lập luận này khiến tội ác của thực dân Pháp hiện lên tầng tầng lớp lớp và nỗi khổ đau, bi đát của dân tộc cũng “tăng cấp” hơn.

Biện pháp lập kết cấu cú pháp cũng được sử dụng. Tiêu biểu nhất là câu: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”.

## 7. Lời kết

*Tuyên ngôn Độc lập* mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam. Bằng lời văn sắc sảo, đầy chất trí tuệ, bằng nhiệt huyết cách mạng của một người yêu Tổ quốc cháy bỏng và bằng cả khí thế cách mạng của toàn thể dân tộc ngót một trăm năm kiên trì, bền gan chiến đấu với kẻ thù để đòi quyền độc lập, tự chủ, *Tuyên ngôn Độc lập* xứng đáng là áng hùng văn của dân tộc trên mọi nẻo đường chiến đấu và chiến thắng.

Hơn sáu mươi năm trôi qua kể từ ngày *Tuyên ngôn Độc lập* được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại quảng trường Ba Đình, khoảnh khắc lịch sử ấy vẫn còn nóng hổi trong từng lời văn, câu chữ. Với *Tuyên ngôn Độc lập*, dân tộc Việt Nam đã có được tiếng nói riêng, diện mạo riêng, có được nguồn động lực nội tại mạnh mẽ và bền vững trên hành trình độc lập, tự do, bình đẳng và bác ái. Hơn thế nữa, nhiều lần dân tộc ta đã trở thành biểu tượng của tinh thần tự do, độc lập, của ý chí tự quyền cao cả của nhân loại tiến bộ trên địa cầu.

LÊ HUY BẮC